TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG** Bản án số: 37/2022/HNGĐ-ST Ngày: 08-7-2022 V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Tài.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/. Ông Huỳnh Hoài Nam.

2/. Ông Đào Khel.

- Thư ký phiên toà: Bà Văn Ngọc Hân, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện viện kiểm sát nhân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 08/7/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 60/2022/TLST-HNGĐ ngày 07/3/2022 về việc "ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/6/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Dương Ngọc Đ, sinh năm 1981 (vắng mặt – có đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp S, xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1980 (vắng mặt – có đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: đường B, khóm 1, phường 3, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp của bị đơn: Luật sư Lưu Trí D – Văn phòng luật sư N thuộc đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng, (vắng mặt).

Địa chỉ: đường N, khóm 3, phường 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 30/10/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án ông Dương Ngọc Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Dương Ngọc Đ và bà Nguyễn Thị Mỹ H tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 3, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng ngày 14/01/2003. Sau thời gian chung sống hạnh phúc, đến năm 2012 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ năm 2012 đến nay ông Đ và bà H không còn sống chung như vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông bà có 02 (hai) người con chung tên Dương Minh C (giới tính: Nam), sinh ngày 13/01/2004 và Dương Minh D (giới tính: Nam), sinh ngày 07/3/2006. Cháu C và cháu D đang sống cùng bà H.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay ông Dương Ngọc Đ yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Mỹ H.

Về con chung: Sau khi ly hôn, đồng ý giao cho bà H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Dương Minh C (giới tính: Nam), sinh ngày 13/01/2004 và Dương Minh D (giới tính: Nam), sinh ngày 07/3/2006 đến tuổi trưởng thành. Ông Đ đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 05/4/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:

Bà H đồng ý ly hôn với ông Dương Ngọc Đ và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là cháu Dương Minh D, sinh ngày 07/3/2006. Đối với cháu Dương Minh C, sinh ngày 13/01/2004 thì hiện nay đã trưởng thành có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên bà không có ý kiến hay yêu cầu gì. Bà H đồng ý về mức cấp dưỡng cho con mà ông Đ đưa ra là cấp dưỡng cho cháu D mỗi tháng 1.000.000 đồng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên bà không yêu cầu gì.

Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử tiến hành nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục tố tụng.

Về nội dung, Vị đại diện Viện kiểm sát nêu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của nguyên đơn ông Dương Ngọc Đ, bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H, xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án phía nguyên đơn ông Đ và bị đơn bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ly hôn với bị đơn bà H, thấy rằng: Ông Đ và bà H xác lập quan hệ vợ chồng phù hợp với quy định về điều kiện kết hôn, tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 3, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 14/01/2003 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ năm 2012 đến nay ông Đ và bà H không còn sống chung như vợ chồng. Trong quá trình giải quyết Tòa án đã triệu tập ông Đ đến làm việc nhưng ông Đ không đến mà yêu cầu giải quyết vắng mặt, chứng tỏ ông Đ không thiện chí muốn hòa giải mâu thuẫn giữa hai vợ chồng để quay về đoàn tụ. Xét thấy, những mâu thuẫn trên thể hiện được tình trạng hôn nhân của ông Đ và bà H đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được, hiện nay ông bà không còn sống chung với nhau như vợ chồng, thể hiện được cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, ông bà không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc làm cho mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án, bà H cũng thống nhất yêu cầu ly hôn của ông Đ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Đ.

[3] Về con chung, theo đơn khởi kiện thì phía nguyên đơn ông Đ yêu cầu sau khi ly hôn, giao cho bà H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Dương Minh C (giới tính: Nam), sinh ngày 13/01/2004 và Dương Minh D (giới tính: Nam), sinh ngày 07/3/2006 đến tuổi trưởng thành. Tuy nhiên, tại thời điểm xét xử vụ án thì cháu Dương Minh C (giới tính: Nam), sinh ngày 13/01/2004 đã trưởng thành có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân. Đồng thời, bà H cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với việc nuôi con là cháu C. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét đối với việc nuôi con chung là cháu C.

Đối với con chung là cháu Dương Minh D, hiện đang sinh sống ổn định với bà H và cháu sức khỏe vẫn tốt, học hành bình thường. Đồng thời, ý kiến của cháu

cũng muốn tiếp tục sống chung với bà H. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của cháu D, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Đ. Sau khi ly hôn, bà H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu D.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án phía nguyên đơn ông Đ đồng ý cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn cho cháu D mỗi tháng 1.000.000 đồng và bị đơn bà H cũng thống nhất theo mức cấp dưỡng này. Nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 82, Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận mức cấp dưỡng mà phía nguyên đơn đưa ra.

Ngoài ra, tại khoản 1 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi"* và khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở".* Do đó, sau khi ly hôn, ông Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung là cháu D không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Theo ông Đ và bà H trình bày trong thời gian chung sống giữa ông, bà không có tạo lập tài sản chung cũng như không có nợ chung, cho nên Toà án không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà hôm nay là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về án phí: Ông Dương Ngọc Đ phải nộp số tiền 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ: Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ: Điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Dương Ngọc Đ, sinh năm 1981 được ly hôn với bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1980.

2. Về con chung: Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Mỹ H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Dương Minh D (giới tính: Nam), sinh ngày 07/3/2006. Ông Dương Ngọc Đ cấp dưỡng nuôi con cho cháu D mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 7/2022 cho đến khi cháu D tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, ông Dương Ngọc Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung là cháu Dương Minh D không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Toà án không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Toà án không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Dương Ngọc Đ phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Sau khi cấn trừ số tiền tạm ứng án phí ông Đ đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0000285 ngày 21/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, ông Đ phải nộp thêm số tiền 300.000 đồng.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSNDTP S;
- Chi cục THADS TP S;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND phường 3, TPST;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Phước Tài